| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN NĂM CĂN**<br>**TỈNH CÀ MAU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 32/2018/QĐST-DS | *Năm Căn, ngày 14 tháng 06 năm 2018* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 05 tháng 6 năm 2018 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 164/2017/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2017.

## XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự*:*

**-** *Nguyên đơn*: Ông Phạm Văn C, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn*: Luật sư Trần Hoàng P là luật sư của Văn phòng Luật sư Trần Hoàng P thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau.

Địa chỉ: Số 32, đường H, khóm 5, phường 1, thành phố C, tỉnh Cà Mau

**-** *Bị đơn:*

+ Bà Phạm Thị T, sinh năm 1950.

Hộ khẩu thường trú: Khóm 6, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Nơi cư trú: Ấp K, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.

+ Chị Lý Tuyết N, sinh năm 1976 (con bà T).

Địa chỉ: Ấp K, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.

**-** *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

**+** Ủy ban nhân dân huyện N

Địa chỉ: khóm 1, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

+ Ông Phạm Văn N, sinh năm 1949 (anh ông C).

+ Ông Phạm Văn S, sinh năm 1954 (anh ông C), có yêu cầu độc lập.

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.

+ Bà Phạm Ngọc G, sinh năm 1958 (chị ông C), có yêu cầu độc lập.

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

+ Bà Phạm Thị M, sinh năm 1966 (em ông C), có yêu cầu độc lập.

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

+ Anh Phạm Văn L, sinh năm 1986 (con ông S).

Địa chỉ: Ấp K, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.

- *Người thừa kế thế vị của ông Phạm Văn H* (chết năm 2008).

+ Bà Trần Thị Đ, 61 tuổi (vợ ông H).

Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

+ Chị Phạm Thị H, sinh năm 1975 (con ông H).

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.

+ Anh Phạm Hoàng V, sinh năm 1977 (con ông H).

Địa chỉ: Ấp K, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.

+ Chị Phạm Thị K, sinh năm 1978 (con ông H).

Địa chỉ: Ấp 4, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.

+ Chị Phạm Thị D, sinh năm 1982 (con ông H).

Địa chỉ: Số 23, đường 3/2, phường 5, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

+ Chị Phạm Thị N, sinh năm 1982 (con ông H).

+ Chị Phạm Thị V, sinh năm 1986 (con ông H).

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

**2.** Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Phần đất nuôi trồng thủy sản do cụ Phạm Văn T (tên khác Phạm Ngọc T) đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất C diện tích 48.800 $m^2$ tọa lạc tại ấp K, xã H, huyện N tỉnh Cà Mau được Ủy ban nhân dân huyện N (nay là huyện N) cấp ngày 23 tháng 10 năm 1993. Diện tích theo đo đạc thực tế là 61.934 $m^2$ (trong đó đất ở 500$m^2$, đất nuôi trồng thủy sản: 60.268,8$m^2$, đất trồng cây lâu năm: 1165,2$m^2$), thuộc các thửa số 121, 179, 185; tờ bản đồ số 6 lập năm 2013. Phần đất hiện nay chị N đang quản lý.

- Các đương sự thống nhất chia phần đất như sau: Ông Phạm Văn C, bà Phạm Thị M, bà Phạm Ngọc G, ông Phạm Văn S và chị Phạm Thị H (con ruột

ông Phạm Văn H) được nhận 30.000m$^2$ tọa lạc tại ấp K, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau, thuộc các thửa số 121, 179, 185; tờ bản đồ số 6 lập năm 2013.

*Vị trí nhận đất:* Chia phần đất dài từ mặt tiền đến mặt hậu, tính từ vách bên trái đứng từ mặt tiền phần đất nhìn vào giáp ranh ông Phạm Văn Q (đo *theo mặt tiền qua đủ 30.000m$^2$)*; Phía bên phải giáp với phần đất còn lại của chị N, mặt tiền giáp K, mặt hậu giáp đất ông Huỳnh Văn T, Nguyễn Ngọc B.

Chị Lý Tuyết N có trách nhiệm giao cho ông C, bà M, bà G, ông S, và chị H (con ruột ông H) phần đất diện tích 30.000m$^2$ mà chị N đang quản lý.

- Chị Lý Tuyết N được quyền quản lý, sử dụng và định đoạt đối với phần diện tích đất còn lại 31.934m$^2$ và được quyền sở hữu hai căn nhà, tài sản trong nhà và cống xổ vuông trên phần đất tọa lạc tại ấp K, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau thuộc các thửa số 121, 179, 185; tờ bản đồ số 6 lập năm 2013 mà chị N đang quản lý.

- Chị N không yêu cầu xem xét chi phí trồng chuối, dừa, đước trên bờ vuông, tiền sữa chữa nhà, công sức đóng góp tu bổ, giữ gìn di sản và không yêu cầu xem xét giải quyết các cây trồng có trên phần đất mà ông C, bà M, bà G, ông S, chị H được nhận.

- Anh L tự thỏa thuận với ông C, bà M, bà G, ông S, chị H, chị N, bà T đối với phần đất mà anh L được nhận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Các đương sự phải chịu 50% án phí trên tổng số giá trị tài sản được nhận, cụ thể:

+ Ông Phạm Văn C, bà Phạm Ngọc G, ông Phạm Văn S, bà Phạm Thị M và chị Phạm Thị H có trách nhiệm liên đới nộp án phí số tiền là 14.000.000 đồng.

Ngày 16 tháng 10 năm 2017 ông C đã nộp tạm ứng án phí số tiền 12.000.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015627 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn, ngày 13 tháng 11 năm 2017 ông S, bà G và bà M đã nộp tạm ứng án phí tổng số tiền là 7.200.000 đồng tại các biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015670, 0015671, 0015672, ngày 04 tháng 12 năm 2017 ông S, bà G, bà M đã nộp tạm ứng án phí tổng số tiền là 5.250.000 đồng tại các biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015700, 0015701, 0015702 được xem xét, đối trừ. Sau khi đối trừ ông C được nhận lại số tiền án phí là 10.450.000 đồng.

+ Chị Lý Tuyết N phải nộp án phí số tiền bằng 20.194.863 đồng. Ngày 06 tháng 02 năm 2018, chị N đã nộp tạm ứng án phí số tiền là 5.250.000 đồng theo

biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015785 được đối trừ, chị N phải nộp tiếp án phí là 14.944.863 đồng.

+ Anh L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015940 ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn.

+ Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản là 4.680.000 đồng và chi phí đo đạc mà ông C hợp đồng với Trung tâm Kỹ thuật – Công nghệ - Quan trắc Tài nguyên và môi trường tỉnh Cà Mau là 12.340.000 đồng, ông C đồng ý nộp toàn bộ, ông C đã nộp đủ.

**3.** Quyết định này C hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4**. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**(***Đã ký)*

**Phan Diệu Hiền**